

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ CHƯ SÊ



QUY TRÌNH QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA
QT.03.QLCL

| | Người viết | Người kiểm tra | Người phê duyệt |
|-----------|---|---|---|
| Đơn vị | Tổ QLCL | Phó Chủ tịch: - HĐQT QLCL - HĐ Khoa học | Giám đốc |
| Chữ ký |  |   |  |
| Họ và tên | Huỳnh Thị Hiền | Tạ Văn Nghĩa | Trương Minh Cẩn |

1. MỤC ĐÍCH:

- Thống nhất quy trình quản lý sự cố y khoa liên quan đến công tác khám chữa bệnh tại các khoa trong bệnh viện.

- Nhằm giải quyết tốt các sự cố, hạn chế thấp nhất thiệt hại cho người bệnh, cho nhân viên y tế và cho đơn vị.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG :

Áp dụng đối với tất cả các khoa, phòng trong toàn bệnh viện.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Quy chế bệnh viện, ban hành theo QĐ số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 09 năm 1997 của Bộ Trưởng Bộ Y tế.

- Quyết định 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí Chất lượng bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0.

- Thông tư 43/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ Y tế về hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 của Bộ Y tế Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.

- Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ - BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

- Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 Quy định chi tiết một số điều trong Luật Khám bệnh chữa bệnh.

4. THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT:

- Giải thích thuật ngữ:

Sự cố y khoa: Là các tình huống không mong muốn xảy ra trong quá trình chẩn đoán, chăm sóc, điều trị do các yếu tố khách quan mà không phải do diễn biến bệnh lý hoặc cơ địa người bệnh, tác động sức khỏe, tính mạng người bệnh.

Tình huống có nguy cơ xảy ra sự cố (Sự cố suýt xảy ra) : Là tình huống đã xảy ra nhưng chưa gây hậu quả hoặc gần như xảy ra nhưng được phát hiện và ngăn chặn kịp thời , chưa gây tổn thương đến sức khỏe người bệnh

Nguyên nhân gốc: Là nguyên nhân ban đầu có mối quan hệ nhân quả trực tiếp dẫn đến việc xảy ra sự cố y khoa, nguyên nhân gốc có thể khắc phục được để ngăn ngừa sự cố y khoa

Sự cố y khoa nghiêm trọng: Gồm sự cố y khoa gây tử vong cho 01 người bệnh và nghi ngờ có nguy cơ tiếp tục gây tử vong cho người bệnh tiếp theo hoặc sự cố y khoa gây tử vong cho 02 người bệnh trở lên trong cùng một tình huống, hoàn cảnh hoặc do cùng một nguyên nhân

- Từ viết tắt:

BP : Bộ phận

NVYT: Nhân viên y tế

BA: Bệnh án


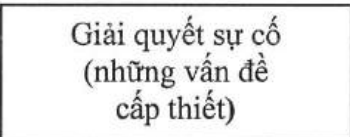
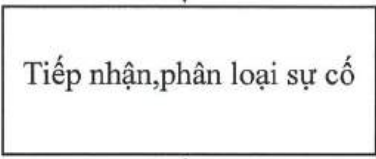
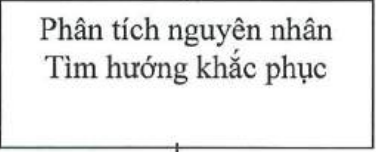
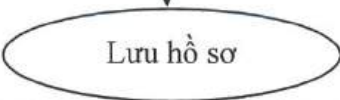
BV: Bệnh viện

HSBA: Hồ sơ bệnh án


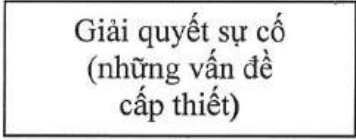
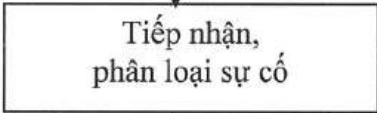
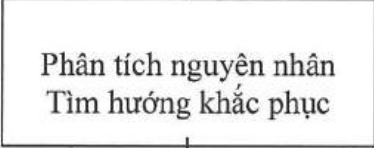
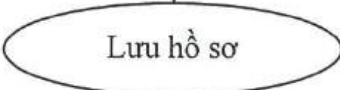
KHTC: Kế hoạch Tài chính

5. QUY TRÌNH XỬ LÝ SỰ CỐ Y KHOA:

A, Quy trình xử lý sự cố tự nguyện:

| Trách nhiệm | Các bước thực hiện | Mô tả/ các biểu mẫu |
|--|---|--|
| NVYT |  | <p>Khi phát hiện có sai sót, sự cố chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngừng ngay hoạt động đang tiến hành. - Xử lý ngay những vấn đề cấp cứu nguy hiểm liên quan đến tính mạng người bệnh hay nhân viên (theo phác đồ - nếu có). - Mời lãnh đạo trực hoặc trưởng kíp trực có mặt tại đơn vị ở thời điểm đó đến xem xét và giải quyết sự cố. - Nếu là sự cố từ mục 1 đến mục 6 của phụ lục 1 báo cáo về BP xử lý sự cố đơn vị theo mẫu (Phụ lục 1) |
| Người có thẩm quyền cao nhất có mặt tại vị trí ở thời điểm xảy ra sai sót, sự cố |  | <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý tiếp những vấn đề cấp cứu liên quan đến tính mạng người bệnh hay nhân viên theo y lệnh (có thể phối hợp với các đơn vị liên quan cùng giải quyết). - Vào sổ theo dõi sự cố của khoa về sự cố vừa xảy ra (Phụ lục 2) - Hợp rút kinh nghiệm tại khoa (Phụ lục 3) - Báo cáo về BP xử lý sự cố |
| BP quản lý sự cố |  | <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại sự cố: + Nếu sự cố được xác định là không tổn thương nặng, gửi báo cáo sang nhóm chuyên gia + Nếu sự cố được xác định là tổn thương nặng, tiếp tục phân loại chi tiết theo danh mục sự cố y khoa nghiêm trọng tại (Phụ lục 7) rồi gửi báo cáo sang nhóm chuyên gia - Báo cáo cho lãnh đạo đơn vị |
| Nhóm chuyên gia |  | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định nguyên nhân gốc - Đề xuất giải pháp khuyến cáo phòng ngừa sự cố cho đơn vị mình |
| Phòng KHTC |  | <ul style="list-style-type: none"> - Vào sổ theo dõi sự cố y khoa tại đơn vị - Hồ sơ lưu tại Phòng KHTC |

B, Quy trình xử lý sự cố bắt buộc:

| Trách nhiệm | Các bước thực hiện | Mô tả/ các biểu mẫu |
|--|---|--|
| NVYT |  | Khi phát hiện có sai sót, sự cố chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> - Ngừng ngay hoạt động đang tiến hành. - Xử lý ngay những vấn đề cấp cứu nguy hiểm liên quan đến tính mạng người bệnh hay nhân viên (theo phác đồ - nếu có). - Mời lãnh đạo trực hoặc trưởng kíp trực có mặt tại đơn vị ở thời điểm đó đến xem xét và giải quyết, sự cố. - Nếu là sự cố từ mục 7 đến mục 9 của (Phụ lục 6) và các sự cố y khoa nghiêm trọng báo cáo về BP xử lý sự cố đơn vị theo mẫu (Phụ lục 1) |
| Người có thẩm quyền cao nhất có mặt tại vị trí ở thời điểm xảy ra sai sót, sự cố |  | <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý tiếp những vấn đề cấp cứu liên quan đến tính mạng người bệnh hay nhân viên theo y lệnh (có thể phối hợp với các đơn vị liên quan cùng giải quyết). - Vào sổ theo dõi sự cố của khoa về sự cố vừa xảy ra (Phụ lục 2) - Hợp rút kinh nghiệm tại khoa (Phụ lục 3) - Báo cáo về BP xử lý sự cố |
| BP quản lý sự cố |  | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu sự cố được xác định là tổn thương nặng, tiếp tục phân loại chi tiết theo danh mục sự cố y khoa nghiêm trọng tại (Phụ lục 7) rồi gửi báo cáo sang nhóm chuyên gia - Báo cáo cho lãnh đạo đơn vị - Báo cáo cho Sở Y tế |
| Nhóm chuyên gia |  | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định nguyên nhân gốc - Đề xuất giải pháp khuyến cáo phòng ngừa sự cố cho đơn vị mình - Điều tra xác minh, phân tích sự cố theo mẫu (Phụ lục 5) |
| Phòng KHTC |  | <ul style="list-style-type: none"> - Vào sổ theo dõi sự cố y khoa tại đơn vị - Hồ sơ lưu tại Phòng KHTC |

6. BÁO CÁO:**- Báo cáo sự cố khi có sự cố xảy ra:**

+ Các sự cố được phân loại từ mục 1- mục 6 Phụ lục 6 thì cá nhân gây ra sự cố hoặc người phát hiện sự cố báo cáo về BP quản lý sự cố theo mẫu báo cáo sự cố tự nguyện **(Phụ lục 1)**

+ Các sự cố từ mục 7- mục 9 **(Phụ lục 6)** và sự cố y khoa nghiêm trọng **(Phụ lục 7)** thì cá nhân gây ra sự cố hoặc người phát hiện sự cố báo cáo ngay lập tức

cho trưởng tua trực và lãnh đạo trực, bộ phận quản lý sự cố đơn vị . Lãnh đạo trực báo cáo ngay cho Sở Y tế.

- **Báo cáo sự cố định kỳ tại đơn vị** : 01 tháng /lần thống kê theo biểu mẫu (Phụ lục 4)

- **Báo cáo định kỳ cho Sở Y tế**: 6 tháng 1 lần .

7. PHỤ LỤC:

- Phụ lục 1: Mẫu báo cáo sự cố y khoa
- Phụ lục 2: Sổ theo dõi sự cố chuyên môn tại Khoa, phòng
- Phụ lục 3: Biên bản họp rút kinh nghiệm.
- Phụ lục 4: Phiếu báo cáo sự cố định kỳ
- Phụ lục 5: Phiếu điều tra và phân tích sự cố
- Phụ lục 6: Phân loại sự cố y khoa theo mức độ tổn thương
- Phụ lục 7: Danh mục sự cố nghiêm trọng

PHỤ LỤC 2
SỔ THEO DÕI SỰ CỐ Y KHOA TẠI KHOA, PHÒNG

Ngày tháng năm

1. Phần hành chính người bệnh:

+ Họ tên người bệnh:

Tuổi Nam/nữ

+ Dân tộc:

+ Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

+ Địa chỉ:

+ Ngày vào viện:

Ngày ra viện:

+ Số lưu trữ:

2. - Người phát hiện:

- Người gây sự cố:

- Người chứng kiến:

3. Nội dung sự cố:

4. Hậu quả, tác hại:

5. Biện pháp khắc phục hậu quả, tác hại:

6. Xử lý:

ĐIỀU DƯỠNG TRƯỞNG KHOA(ĐDHC)

TRƯỞNG KHOA

PHỤ LỤC 3
BIÊN BẢN HỌP RÚT KINH NGHIỆM SỰ CỐ Y KHOA

Hôm nay, lúc *giờ, ngày tháng năm*

Tại:

Nội dung họp:

Thành phần:

- Chủ tọa:
- Thư ký:
- Các thành phần khác:

Tóm tắt sự việc:

Ý kiến các thành viên:

Kết luận:

- Lý do dẫn đến sự cố:

- Biện pháp xử lý, khắc phục:

- Những vấn đề cần rút kinh nghiệm:

CHỦ TỌA

THƯ KÝ

PHỤ LỤC 4:
TRUNG TÂM Y TẾ CHƯ SÊ
KHOA:.....

PHIẾU BÁO CÁO SỰ CỐ Y KHOA ĐỊNH KỲ

Từ ngày.....thángnăm.....đến ngàytháng.....năm

| Stt | Phân loại sự cố y khoa | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--|----------|--------------|
| 1 | Sự cố suýt xảy ra (NC0) | | BC tự nguyện |
| 2 | Sự cố gây tổn thương mức độ nhẹ (NC1) | | BC tự nguyện |
| 3 | Sự cố gây tổn thương mức độ trung bình (NC2) | | BC tự nguyện |
| 4 | Sự cố gây tổn thương mức độ nặng (NC3) | | BC bắt buộc |
| 5 | Sự cố y khoa nghiêm trọng | | BC bắt buộc |
| | Cộng | | |

NGƯỜI BÁO CÁO

TRƯỞNG KHOA

PHỤ LỤC 5:
MẪU TÌM HIỂU VÀ PHÂN TÍCH SỰ CỐ

Số báo cáo/Mã số sự cố:.....

| A. Dành cho nhân viên chuyên trách: | |
|---|---|
| I. Mô tả chi tiết sự cố | |
| (Mô tả cả xử lý tức thời và hậu quả. Đối với loét tỷ đè, chỉ ra cụ thể vị trí, bên, phạm vi và tình trạng lúc nhập viện. Đối với sai sót về thuốc, ghi rõ tất cả thuốc) | |
| II. Phân loại sự cố theo nhóm sự cố: | |
| 1. Thực hiện quy trình kỹ thuật, thủ thuật chuyên môn | <input type="checkbox"/> Không có sự đồng ý của người bệnh/người nhà (đối với những kỹ thuật, thủ thuật quy định phải ký cam kết) <input type="checkbox"/> Không thực hiện khi có chỉ định <input type="checkbox"/> Thực hiện sai người bệnh <input type="checkbox"/> Thực hiện sai thủ thuật/quy trình/ phương pháp điều trị <input type="checkbox"/> Thực hiện sai vị trí phẫu thuật/ thủ thuật <input type="checkbox"/> Bỏ sót dụng cụ, vật tư tiêu hao trong quá trình phẫu thuật <input type="checkbox"/> Tử vong trong thai kỳ <input type="checkbox"/> Tử vong khi sinh <input type="checkbox"/> Tử vong sơ sinh |
| 2. Nhiễm khuẩn bệnh viện | <input type="checkbox"/> Nhiễm khuẩn huyết <input type="checkbox"/> Nhiễm khuẩn vết mổ <input type="checkbox"/> Viêm phổi <input type="checkbox"/> Nhiễm khuẩn tiết niệu <input type="checkbox"/> Các loại nhiễm khuẩn khác |
| 3. Thuốc và dịch truyền | <input type="checkbox"/> Cấp phát sai thuốc, dịch truyền <input type="checkbox"/> Bỏ sót thuốc/liều thuốc <input type="checkbox"/> Thiếu thuốc <input type="checkbox"/> Sai thuốc <input type="checkbox"/> Sai liều, sai hàm lượng <input type="checkbox"/> Sai người bệnh <input type="checkbox"/> Sai thời gian <input type="checkbox"/> Sai đường dùng <input type="checkbox"/> Sai y lệnh |
| 4. Máu và các chế phẩm của máu | <input type="checkbox"/> Phản ứng phụ, tai biến khi truyền máu <input type="checkbox"/> Truyền nhầm máu, chế phẩm máu <input type="checkbox"/> Truyền sai liều, sai thời điểm |
| 5. Thiết bị y tế | <input type="checkbox"/> Thiết bị thiếu hoặc không phù hợp <input type="checkbox"/> Thiếu thông tin hướng dẫn sử dụng <input type="checkbox"/> Lỗi thiết bị |
| 6. Hành vi | <input type="checkbox"/> Khuynh hướng tự gây hại, tự <input type="checkbox"/> Có hành động tự tử <input type="checkbox"/> Quấy rối tình dục bởi nhân viên <input type="checkbox"/> Trốn viện <input type="checkbox"/> Quấy rối tình dục bởi người bệnh/ khách đến thăm <input type="checkbox"/> Xâm hại cơ thể bởi người bệnh/khách đến thăm |
| 7. Tai nạn đối với người bệnh | <input type="checkbox"/> Té ngã |
| 8. Hạ tầng cơ sở | <input type="checkbox"/> Bị hư hỏng, bị lỗi <input type="checkbox"/> Thiếu hoặc không phù hợp |
| 9. Quản lý nguồn lực, tổ chức | <input type="checkbox"/> Tính phù hợp, đầy đủ của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh <input type="checkbox"/> Tính phù hợp, đầy đủ của nguồn lực <input type="checkbox"/> Tính phù hợp, đầy đủ của chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn chuyên môn |
| 10. Hồ sơ tài liệu, thủ tục | <input type="checkbox"/> Tài liệu mất hoặc thiếu |

| | |
|--|--|
| hành chính | <input type="checkbox"/> Cung cấp hồ sơ tài liệu chậm <input type="checkbox"/> Tài liệu không rõ ràng\không hoàn chỉnh <input type="checkbox"/> Nhầm hồ sơ tài liệu <input type="checkbox"/> Thời gian chờ đợi kéo dài <input type="checkbox"/> Thủ tục hành chính phức tạp |
| 11. Khác | <input type="checkbox"/> Các sự cố không đề cập trong các mục từ 1 đến 10 |
| III Điều trị/y lệnh đã được thực hiện | |
| IV Phân loại sự cố theo nhóm nguyên nhân sự cố | |
| 1 Nhân viên | <input type="checkbox"/> Nhận thức (kiến thức, hiểu biết, quan niệm) <input type="checkbox"/> Thực hành (kỹ năng thực hành không đúng quy định, hướng dẫn chuẩn hoặc thực hành theo quy định, hướng dẫn sai) <input type="checkbox"/> Thái độ, hành vi, cảm xúc <input type="checkbox"/> Giao tiếp <input type="checkbox"/> Tâm sinh lý, thể chất, bệnh lý <input type="checkbox"/> Các yếu tố xã hội |
| 2. Người bệnh | <input type="checkbox"/> Nhận thức (kiến thức, hiểu biết, quan niệm) <input type="checkbox"/> Thực hành (kỹ năng thực hành không đúng quy định, hướng dẫn chuẩn hoặc thực hành theo quy định, hướng dẫn sai) <input type="checkbox"/> Thái độ, hành vi, cảm xúc <input type="checkbox"/> Giao tiếp <input type="checkbox"/> Tâm sinh lý, thể chất, bệnh lý <input type="checkbox"/> Các yếu tố xã hội |
| 3. Môi trường làm việc | <input type="checkbox"/> Cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị <input type="checkbox"/> Khoảng cách đến nơi làm việc quá xa <input type="checkbox"/> Đánh giá về độ an toàn, các nguy cơ rủi ro của môi trường làm việc <input type="checkbox"/> Nội quy, quy định và đặc tính kỹ thuật |
| 4. Tổ chức/dịch vụ | <input type="checkbox"/> Các chính sách, quy trình, hướng dẫn chuyên môn <input type="checkbox"/> Tuân thủ quy trình thực hành chuẩn <input type="checkbox"/> Văn hóa tổ chức <input type="checkbox"/> Làm việc nhóm |
| 5. Yếu tố bên ngoài | <input type="checkbox"/> Môi trường tự nhiên <input type="checkbox"/> Sản phẩm, công nghệ và cơ sở hạ tầng <input type="checkbox"/> Môi trường tự nhiên |
| 6. Khác | <input type="checkbox"/> Các yếu tố không đề cập từ mục 1 đến mục 5 |
| V .Hành động khắc phục sự cố | |
| VI .Đề xuất khuyến cáo phòng ngừa sự cố | |
| B.Dành cho cấp quản lý | |
| I.Đánh giá của trưởng nhóm chuyên gia: | |
| Mô tả kết quả phát hiện được | |
| Đã thảo luận đưa ra khuyến cáo/hướng xử lý với người báo cáo | |
| Phù hợp với các khuyến cáo chính thức được ban hành | |
| <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không ghi nhận Ghi cụ thể khuyến cáo: | |

| II Đánh giá mức độ tổn thương | | |
|--------------------------------------|----------------------------|--|
| Trên người bệnh | | Trên tổ chức |
| 1, Chưa xảy ra (NC0) | <input type="checkbox"/> A | <input type="checkbox"/> Tổn hại tài sản |
| 2. Tổn thương nhẹ (NC1) | <input type="checkbox"/> B | <input type="checkbox"/> Tăng nguồn lực phục vụ cho người bệnh |
| | <input type="checkbox"/> C | <input type="checkbox"/> Quan tâm của truyền thông |
| | <input type="checkbox"/> D | <input type="checkbox"/> Khiếu nại của người bệnh |
| 3. Tổn thương trung bình (NC2) | <input type="checkbox"/> E | <input type="checkbox"/> Tổn hại danh tiếng |
| | <input type="checkbox"/> F | <input type="checkbox"/> Can thiệp của pháp luật |
| 4 Tổn thương nặng (NC3) | <input type="checkbox"/> G | <input type="checkbox"/> Khác |
| | <input type="checkbox"/> H | |
| | <input type="checkbox"/> I | |
| Tên: | | Ký tên |
| Chức danh: | | Ngày: / / Giờ |

**PHỤ LỤC 6:
PHÂN LOẠI SỰ CỐ Y KHOA THEO MỨC ĐỘ TỔN THƯƠNG**

| STT | Mô tả sự cố y khoa | Phân nhóm | | Hình thức báo cáo |
|-----|---|---------------------------|--|--------------------------|
| | | Theo diễn biến tình huống | Theo mức độ tổn thương đến sức khỏe, tính mạng người bệnh (Cấp độ nguy cơ-NC) | |
| 1 | Tình huống có nguy cơ gây ra sự cố (near miss) | A | Chưa xảy ra (NC0) | Báo cáo tự nguyện |
| 2 | Sự cố đã xảy ra, chưa tác động trực tiếp đến người bệnh | B | Tổn thương nhẹ[1] (NC1) | |
| 3 | Sự cố đã xảy ra tác động trực tiếp đến người bệnh, chưa gây nguy hại. | C | | |
| 4 | Sự cố đã xảy ra tác động trực tiếp đến người bệnh, cần phải theo dõi hoặc đã can thiệp điều trị kịp thời nên không gây nguy hại | D | | |
| 5 | Sự cố đã xảy ra gây nguy hại tạm thời và cần phải can thiệp điều trị | E | Tổn thương trung bình[2] (NC2) | Báo cáo bắt buộc |
| 6 | Sự cố đã xảy ra, gây nguy hại tạm thời, cần phải can thiệp điều trị và kéo dài thời gian nằm viện | F | | |
| 7 | Sự cố đã xảy ra gây nguy hại kéo dài, để lại di chứng | G | Tổn thương nặng[3] (NC3) (kèm theo bảng sự cố y khoa nghiêm trọng) | |
| 8 | Sự cố đã xảy ra gây nguy hại cần phải hồi sức tích cực | H | | |
| 9 | Sự cố đã xảy ra có ảnh hưởng hoặc trực tiếp gây tử vong | I | | |

**PHỤ LỤC 7:
DANH MỤC SỰ CỐ Y KHOA NGHIÊM TRỌNG (NC3)**

| SỰ CỐ PHẪU THUẬT | |
|--|---|
| 1. | Phẫu thuật sai vị trí (bộ phận cơ thể) Là phẫu thuật ở vị trí cơ thể người bệnh không đúng với những dữ kiện ghi trong hồ sơ bệnh án, ngoại trừ những tình huống khẩn cấp như: A. Thay đổi vị trí phẫu thuật xảy ra quá trình phẫu thuật B. Sự thay đổi này được chấp thuận. |
| 2. | Phẫu thuật sai người bệnh: Là phẫu thuật trên người bệnh không đúng với những dữ kiện về nhận diện người bệnh ghi trong hồ sơ bệnh án. |
| 3. | Phẫu thuật sai phương pháp (sai quy trình) gây tổn thương nặng: Là phương pháp phẫu thuật thực hiện không đúng với kế hoạch phẫu thuật đã đề ra trước đó, ngoại trừ những tình huống khẩn cấp như: A. Thay đổi phương pháp phẫu thuật xảy ra trong quá trình phẫu thuật. B. Sự thay đổi này được chấp thuận. |
| 4. | Bỏ quên y dụng cụ, vật tư tiêu hao trong cơ thể người bệnh sau khi kết thúc phẫu thuật hoặc những thủ thuật xâm lấn khác: Ngoại trừ: A. Y dụng cụ đó được cấy ghép vào người bệnh (theo chỉ định). B. Y dụng cụ đó có trước phẫu thuật và được chú ý giữ lại. C. Y dụng cụ không có trước phẫu thuật được chú ý để lại do có thể nguy hại khi lấy bỏ. Ví dụ như: những kim rất nhỏ hoặc những mảnh vỡ ốc vít. |
| 5. | Tử vong xảy ra trong toàn bộ quá trình phẫu thuật (tiền mê, rạch da, đóng da) hoặc ngay sau phẫu thuật trên người bệnh có phân loại ASA độ I. |
| SỰ CỐ DO TRANG THIẾT BỊ | |
| 6. | Tử vong hoặc di chứng nặng liên quan tới thuốc, thiết bị hoặc sinh phẩm |
| 7. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng liên quan đến việc sử dụng hoặc liên quan đến chức năng của y dụng cụ trong quá trình chăm sóc người bệnh khác với kế hoạch đề ra ban đầu. |
| 8. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng liên quan đến truyền tắc khí nội mạch trong quá trình chăm sóc, điều trị người bệnh. Ngoại trừ: Những thủ thuật ngoại thần kinh hoặc tim mạch được xác định có nguy cơ truyền tắc khí nội mạch cao. |
| SỰ CỐ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NGƯỜI BỆNH | |
| 9. | Giao nhầm trẻ sơ sinh |
| 10. | Người bệnh trốn viện bị tử vong hoặc bị di chứng nghiêm trọng |
| 11. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do tự tử tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. |
| SỰ CỐ LIÊN QUAN ĐẾN CHĂM SÓC TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH | |
| 12. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng liên quan đến lỗi dùng thuốc: Bao gồm: Cho một loại thuốc mà biết người bệnh có tiền sử dị ứng thuốc và tương tác thuốc có khả năng đưa đến tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng. Ngoại trừ: Những khác biệt có lý do của việc lựa chọn thuốc và liều dùng trong xử trí lâm sàng. |
| 13. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng liên quan đến tán huyết do truyền nhầm nhóm máu |
| 14. | Sản phụ tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng liên quan đến quá trình chuyển dạ, sinh con: Bao gồm những sự cố xảy ra trong thời kỳ hậu sản (42 ngày sau sinh). Ngoại trừ: A. Truyền tắc phổi hoặc truyền tắc ối B. Gan nhiễm mỡ cấp tính trong thai kỳ C. Bệnh cơ tim. |

| | |
|---|---|
| 15. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do hạ đường huyết trong thời gian điều trị. |
| 16. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng (vàng da nhân) do tăng bilirubin máu ở trẻ sơ sinh. |
| 17. | Loét do tì đè độ 3 hoặc 4 xảy ra trong lúc nằm viện. |
| 18. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do tập vật lý trị liệu gây sang chấn cột sống |
| 19. | Nhầm lẫn trong cấy ghép mô tạng. Bao gồm nhầm lẫn tinh trùng hoặc trứng trong thụ tinh nhân tạo |
| SỰ CỐ DO MÔI TRƯỜNG | |
| 20. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do điện giật. Ngoại trừ: Những sự cố xảy ra do điều trị bằng điện (sốc điện phá rung hoặc chuyển nhịp bằng điện chẹn lọc). |
| 21. | Tai nạn do thiết kế đường oxy hay những loại khí khác cung cấp cho người bệnh như: A. Nhầm lẫn chất khí. Hoặc B. Chất khí lẫn độc chất |
| 22. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do bỏng phát sinh do bất kỳ nguyên nhân nào khi được chăm sóc tại cơ sở. |
| 23. | Người bệnh tử vong hoặc di chứng nghiêm trọng do té ngã trong lúc được chăm sóc y tế tại cơ sở. |
| SỰ CỐ ĐƯỢC CHO LÀ PHẠM TỘI HÌNH SỰ | |
| 24. | Giả mạo nhân viên y tế để điều trị cho người bệnh |
| 25. | Bắt cóc (hay dụ dỗ) người bệnh ở mọi lứa tuổi |
| 26. | Tấn công tinh dục người bệnh trong khuôn viên bệnh viện |
| 27. | Gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho người bệnh hoặc nhân viên y tế trong khuôn viên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh |
| 28. | Các sự cố y khoa nghiêm trọng khác (NC3 loại G, H, I) không đề cập trong các mục từ 1 đến 27 |